

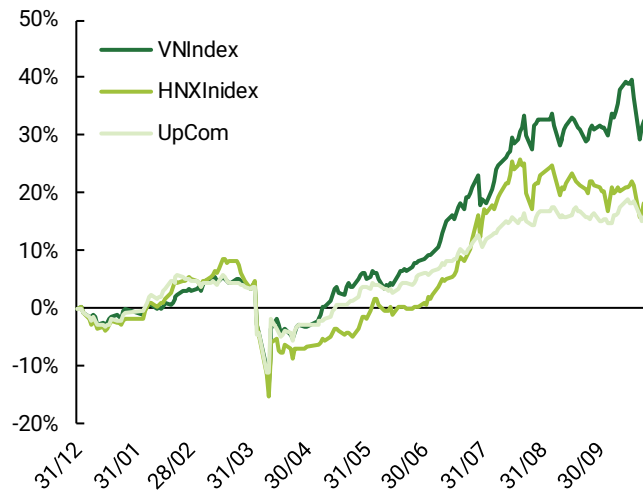
VN-Index **1687.06 (0.51%)**
 799 Tr. cổ phiếu 24733.9 Tỷ VND (-23.41%)

HNX-Index **266.78 (-0.71%)**
 83 Tr. cổ phiếu 2024.7 Tỷ VND (-29.41%)

UPCOM-Index **111.04 (1.11%)**
 27 Tr. cổ phiếu 484.3 Tỷ VND (-18.04%)

VN30F1M **1943.50 (0.91%)**
 367,736 HD OI: 39,106 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1687.1, tăng 8.6 điểm (+0.51%). Thanh khoản giảm về mức thấp với độ rộng thu hẹp ở phía mua so với lúc sáng. VN30 tăng 14.9 điểm trong khi HNXIndex giảm 1.9 điểm.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup trở lại vai trò dẫn dắt với đóng góp lớn vào mức tăng chung. Ở chiều ngược lại, nhóm Tài chính tiếp tục gây áp lực lên đà giảm. Dòng tiền phân hóa và mức lan tỏa vẫn còn kém.
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+5.9%), KDH (+4.2%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+6.9%), HAH (+6.7%) | Du lịch và Giải trí: VJC (+2.1%), VPL (+2.0%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (+1.5%), KDC (+2.0%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: TCB (-2.0%), TPB (-1.9%), CTG (-1.6%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-4.9%), CTS (-3.3%) | Tài nguyên Cơ bản: KSB (-2.7%), NKG (-1.2%) | Công nghệ: CMG (-2.3%), FPT (-2.1%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, LPB, VPL - Chiều giảm | TCB, CTG, VPB, FPT
 Khối ngoại Bán ròng hơn 1200 tỷ đồng, tập trung nhiều ở CTG, VHM, MSN, trong khi mua ròng FPT, HDB, VJC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** chậm lại tại cản 1690 - 1700 với mẫu hình nến Spinning top hàm ý lực cung còn chi phối. Trạng thái chỉ số vẫn đang vận động trong khung tích lũy 1620 - 1690 điểm, với biên trên 1690 sẽ là vùng kháng cự trong khi hỗ trợ duy trì ở biên dưới 1620. Tín hiệu rung lắc có lẽ còn tiếp diễn. Dù vậy, thanh khoản đã giảm về mức thấp có thể kỳ vọng cung cầu sớm tìm được điểm cân bằng. Một số cổ phiếu phân hóa bắt đầu xuất hiện khi mùa báo cáo KQKD Quý 3 đang diễn ra sôi động là điểm sáng cần chú ý.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng chịu áp lực bán tại cản 270 trong chiều hướng phục hồi và đã lùi về sắc đỏ. Vận động có thể trở lại củng cố vùng hỗ trợ quanh 262 - 266 để tích lũy thêm đà.
- Chiến lược chung:** Sau khi đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn, các vị thế còn lại nghiêng về nắm giữ. Theo dõi thêm phản ứng của thị trường trong quá trình tìm vùng cân bằng. Hạn chế việc mua đuổi hoặc bình quân giá xuống trước các dấu hiệu bật tăng hoặc dừng rơi chưa rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán VNM (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,687.1	↗	0.5%	-4.5%	3.2%	24,733.9	↘	-23.4%	-38.7%	6.3%	798.5	↘	-23.4%	-32.5%	0.0%			
HNX-Index	266.8	↘	-0.7%	-3.7%	-2.3%	2,024.7	↘	-29.4%	-22.8%	39.7%	82.6	↘	-35.2%	-22.0%	19.4%			
UPCOM-Index	111.0	↗	1.1%	-1.2%	0.9%	484.3	↘	-18.0%	-30.5%	11.6%	27.4	↘	-19.1%	-29.1%	-0.5%			
VN30	1,945.8	↗	0.8%	-3.8%	6.8%	13,650.3	↘	-28.4%	-38.0%	2.4%	347.8	↘	-21.7%	-29.2%	-15.0%			
VNMID	2,379.3	↘	-0.7%	-7.4%	-3.4%	8,434.7	↘	-18.8%	-46.4%	2.5%	274.2	↘	-27.5%	-47.8%	-1.4%			
VNSML	1,516.5	↗	0.1%	-3.4%	-4.5%	1,543.9	↗	20.4%	-9.5%	35.9%	90.5	↘	-5.4%	-22.7%	23.6%			
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	642.7	↘	-0.4%	-6.10%	-0.2%	6,698.6	↘	-11.1%	-37.5%	-28.3%	251.3	↘	-15.1%	-38.2%	-29.0%			
Bất động sản	667.2	↗	3.2%	-5.0%	19.6%	5,044.9	↘	-42.1%	-45.7%	-26.5%	157.6	↘	-38.4%	-49.8%	-31.2%			
Dịch vụ tài chính	345.2	↘	-1.6%	-7.4%	-2.3%	3,131.3	↘	-30.6%	-50.7%	-37.3%	105.9	↘	-28.9%	-46.8%	-33.6%			
Công nghiệp	283.1	↘	-0.4%	-0.3%	13.0%	1,897.8	↗	24.6%	-33.9%	-6.7%	39.7	↗	27.2%	-26.5%	-9.3%			
Tài nguyên cơ bản	524.9	↘	-0.7%	-5.0%	-6.1%	837.4	↘	-36.8%	-62.3%	-57.3%	36.6	↘	-37.0%	-61.1%	-54.1%			
Xây dựng - Vật Liệu	192.4	↘	-0.6%	-1.3%	-3.1%	1,770.6	↘	-1.3%	-29.1%	-15.1%	60.5	↘	-18.0%	-37.9%	-29.6%			
Thực phẩm	536.7	↗	0.1%	-3.8%	-2.4%	1,339.7	↘	-30.8%	-66.0%	-40.8%	29.1	↘	-35.6%	-59.7%	-45.0%			
Bán Lẻ	1,543.6	↗	0.9%	0.9%	9.2%	1,052.6	↗	15.2%	-9.9%	10.7%	12.8	↗	11.7%	-18.5%	-2.4%			
Công nghệ	503.5	↘	-2.0%	7.7%	-2.8%	881.0	↘	-53.9%	-36.6%	-22.1%	10.5	↘	-53.6%	-41.6%	-25.4%			
Hóa chất	159.7	↘	-0.9%	-2.6%	-6.1%	305.2	↘	-40.4%	-47.2%	-36.3%	8.8	↘	-37.6%	-52.9%	-43.9%			
Tiện ích	638.4	↗	0.6%	-1.2%	-4.5%	232.3	↗	7.4%	-54.5%	-29.2%	8.4	↘	-16.1%	-60.6%	-43.8%			
Dầu khí	75.4	↗	0.8%	-1.9%	0.1%	277.0	↘	-6.1%	-33.9%	-29.8%	10.3	↘	-8.9%	-37.5%	-31.7%			
Dược phẩm	428.2	↗	0.0%	0.3%	-0.5%	45.5	↘	-20.6%	-3.8%	-31.8%	2.2	↘	-14.0%	-16.3%	-30.5%			
Bảo hiểm	83.4	↗	0.3%	-2.7%	-10.2%	11.4	↘	-55.2%	-67.5%	-67.9%	0.5	↘	-60.9%	-62.4%	-60.6%			

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,687.1	0.5%	33.2%	16.2x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,302	-	-7.0%	16.6x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,274	1.5%	16.9%	20.1x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,031	0.3%	-4.4%	16.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,054	0.4%	-7.3%	10.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,922	0.2%	17.0%	19.3x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,968	0.7%	29.5%	12.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	48,642	-1.4%	21.9%	22.0x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,699	-0.5%	13.9%	27.9x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	46,590	-0.7%	9.5%	23.1x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,571	0.6%	17.1%	14.4x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,653	0.2%	15.5%	17.3x	2.4x
DX/USD		99	0.15%	-8.7%		
USD/VND		26,338	-0.04%	3.3%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

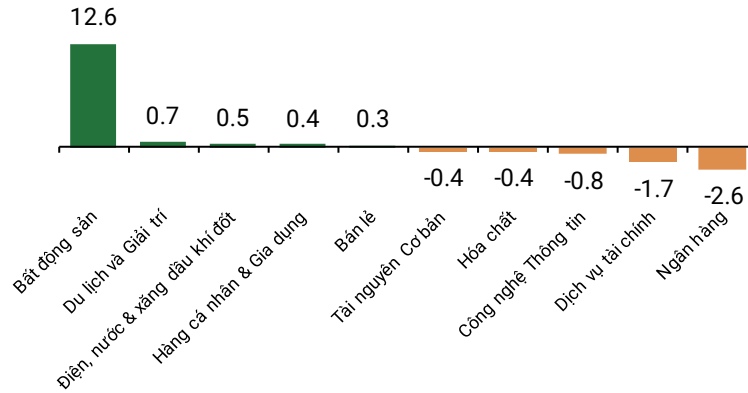
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	5.0%	-2.9%	-12.0%	-12.4%
Dầu WTI	▲	6.4%	-3.0%	-14.2%	-13.1%
Khí gas	▬	0.2%	22.0%	-4.2%	48.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	-10.6%	-20.4%
Thép HRC (*)	▬	0.3%	-3.6%	-4.8%	-5.3%
PVC (*)	▬	0.0%	-0.1%	-5.3%	-13.0%
Phân Urea (*)	▬	0.3%	-21.9%	7.1%	6.1%
Cao su thiên nhiên	▬	0.8%	1.3%	-12.0%	-10.6%
Bông Cotton	▼	-0.8%	-0.9%	-6.5%	-11.8%
Đường	▬	0.3%	-2.4%	-20.7%	-31.6%
World Container Index	▲	3.5%	-8.7%	-54.1%	-45.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	3.8%	9.2%	32.3%	17.4%
Vàng	▼	-0.2%	9.4%	56.9%	51.6%
Bạc	▬	0.9%	11.7%	70.1%	45.9%

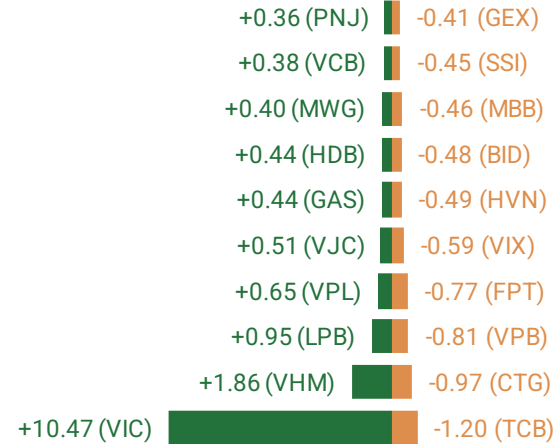
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

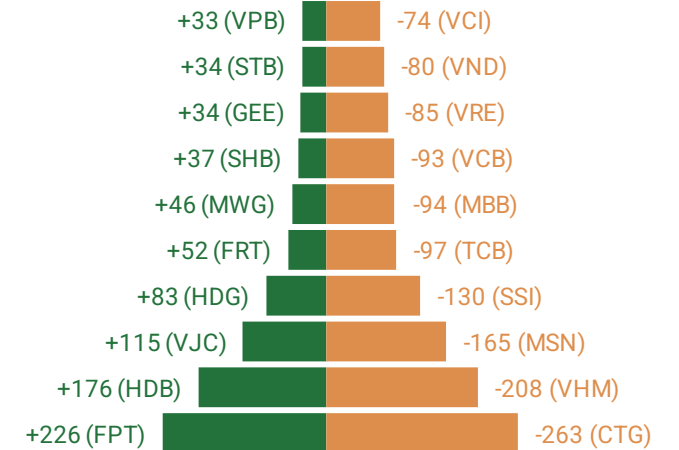


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

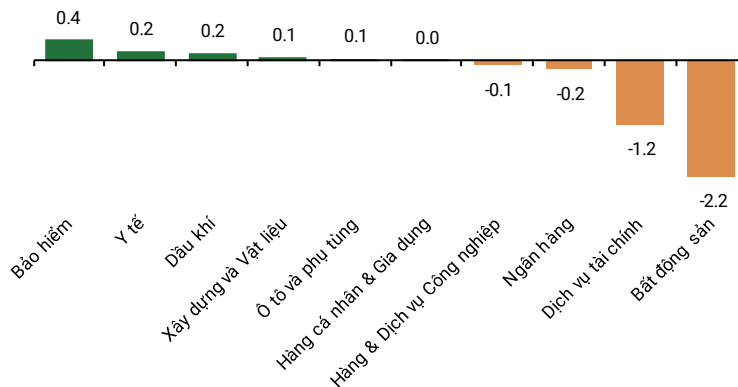


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

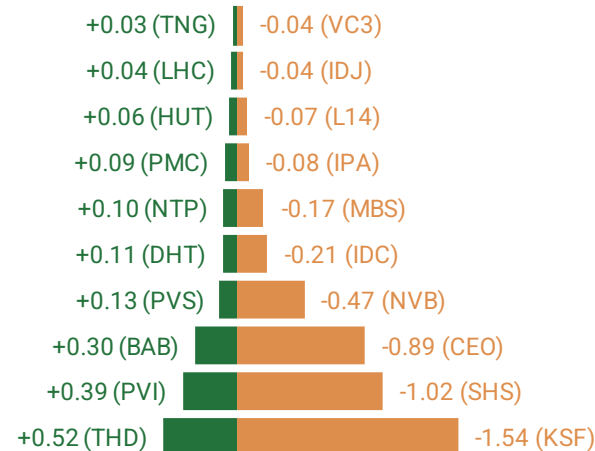
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



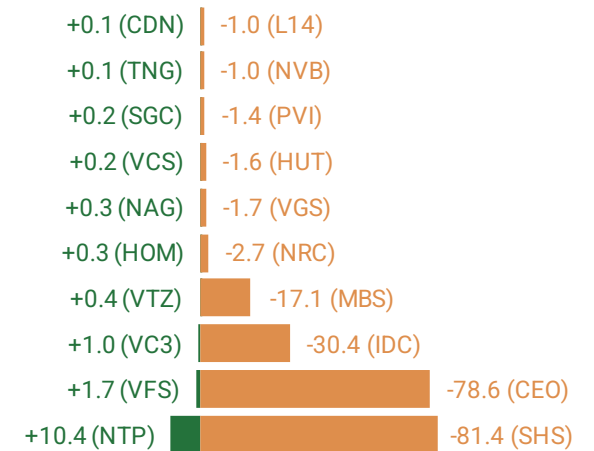
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	HDB	VIC	SSI	GEX
%DoD	0.3%	1.5%	5.9%	-2.5%	-3.6%
Giá trị	1,343	1,149	998	922	800

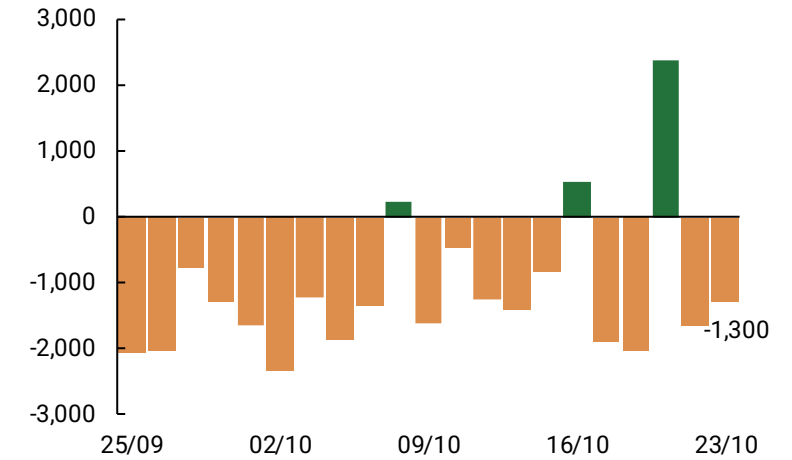
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HDB	FPT	MWG	VSH	HDG
%DoD	1.5%	-2.1%	1.4%	-0.9%	-0.5%
Giá trị	485	213	108	106	93

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



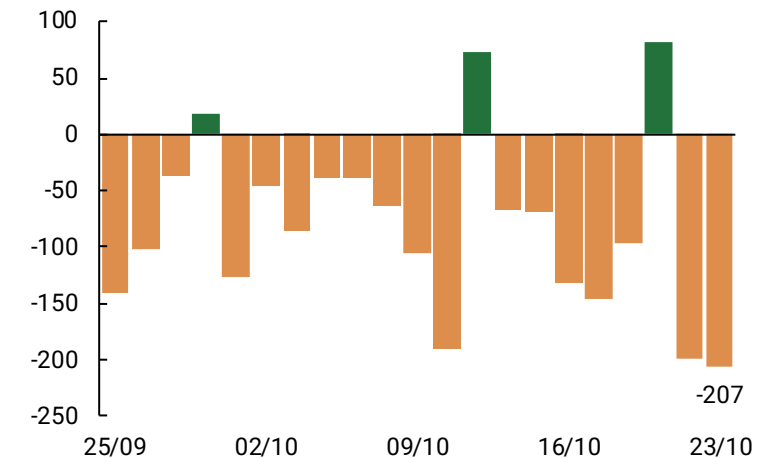
	CEO	SHS	PVS	MBS	IDC
%DoD	-4.5%	-3.6%	1.3%	-3.4%	-2.0%
Giá trị	886	418	123	112	64

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	PVS	HUT	SHS	NAG	RCL
%DoD	1.3%	0.6%	-3.6%	4.8%	0.0%
Giá trị	14	10	6	1	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning top, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 – 1620.
- ✓ Kháng cự: 1670 – 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

Kịch bản: VN-Index nhìn chung vẫn đang vận động trong khung tích lũy 1620 – 1690 điểm.

Trạng thái trở lại giằng co khi giá tiếp cận vùng cản ở biên trên 1690, hàm ý lực cung còn chi phối. Thanh khoản cũng giảm về mức thấp cho thấy dòng tiền thận trọng. Chỉ số có lẽ cần tiếp tục củng cố quanh ngưỡng 1670 điểm để tái tạo thêm đà. Trường hợp giá lùi về thấp hơn biên dưới 1620 sẽ gia tăng rủi ro phá vỡ mốc tâm lý 1600 điểm và tìm về khu vực hỗ trợ thấp hơn quanh 1550 – 1560 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 1950 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1850 - 1950.

➔ Chỉ số gặp khó khăn khi vượt lên cản 1950 hàm ý lực cung còn chi phối. Nhóm Vingroup giữ vai trò nâng đỡ trong khi mức lan tỏa trong rõ vẫn hạn chế. Thanh khoản cũng rơi về mức thấp cho thấy dòng tiền thận trọng hơn. **Trạng thái có lẽ tiếp tục củng cố nền giá trên ngưỡng tâm lý 1900 điểm.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	VNM	SELL	Current price	56.6		P/E (x)	13.8
Exchange	HOSE		Action price	60.5	-6.4%	P/B (x)	4.0
Sector	Food Products		Selling price	24/10	56.6	EPS	4100.7
						ROE	26.6%
						Stock Rating	A
					Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá giảm về dưới khu vực hỗ trợ 57 – 58, đồng thời phản ứng phục hồi yếu ớt, cho thấy lực cung còn chi phối.
- Vận động thấp hơn MA20, 50 ngày
- Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giảm về dưới mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
- Rủi ro cao hơn nếu tiếp tục phá vỡ mốc 56.

- ➔ Xu hướng tăng vi phạm.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp hồi trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VNM	Bán	24/10/2025	56.6	60.5	-6.4%	67.0	10.7%	57	-5.8%	Đà tăng vi phạm

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NTP	Mua	17/10/2025	-	66.90	65.1	2.8%	72.0	10.6%	61.0	-6.3%	
2	PNJ	Mua	23/10/2025	-	92.30	87.7	5.2%	96.0	9.5%	82.5	-5.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1943.5, tăng 17.5 điểm (+0.9%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ lệch basis thu hẹp còn 2.2 điểm (thấp hơn VN30 cơ sở). Khối ngoại Mua ròng 1270 HĐ, tương ứng hơn 245 tỷ đồng. Vận động trong phiên nghiêng về phục hồi, dù rằng chiều đi lên có nhiều rung lắc.
- Ở đồ thị 15p**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu cùng với RSI hạ nhiệt, cho thấy áp lực điều chỉnh đang chi phối trở lại. Dù vậy, cần chờ giá xác nhận phá vỡ hỗ trợ sẽ tối ưu hơn. Vị thế Short có thể tham gia khi giá lùi về dưới ngưỡng 1932 hoặc đánh mất ngưỡng 1915. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1955.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1855.1, tăng 11.6 điểm (+0.6%). Độ lệch basis 0.9 điểm và cao hơn VN100 cơ sở. Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 277 HĐ.

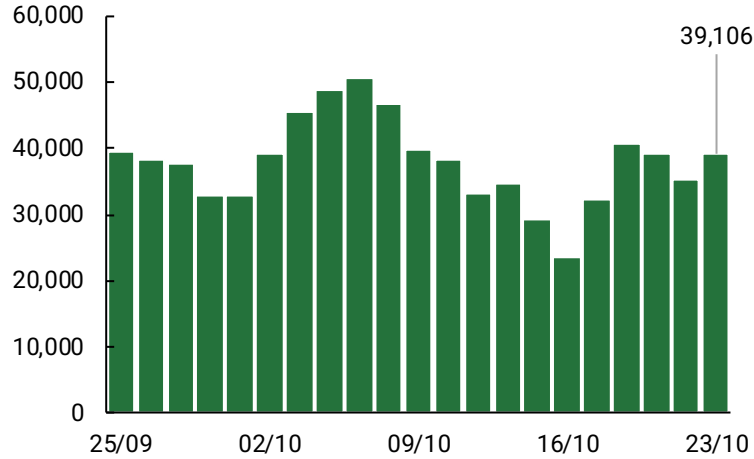
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 1.932	1.920	1.940	12 : 8
Long	> 1.955	1.966	1.948	11 : 7
Short	< 1.915	1.900	1.922	15 : 7

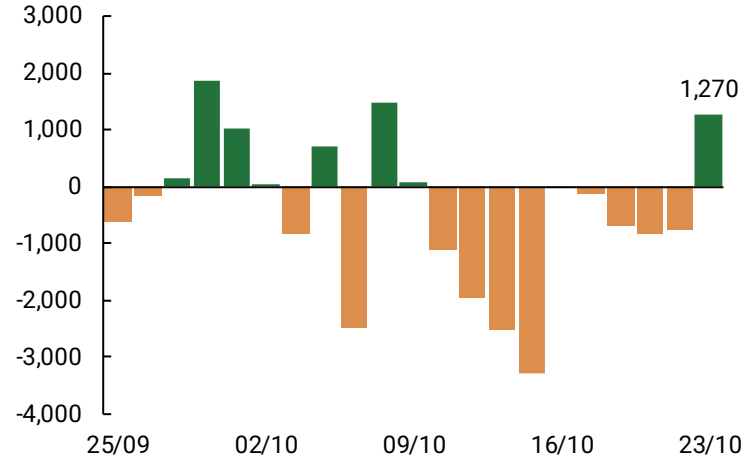
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,928.0	18.0	64	70	1,958.5	-30.5	18/06/2026	238
41I1G3000	1,923.5	41.9	214	273	1,953.6	-30.1	19/03/2026	147
VN30F2512	1,939.0	18.6	723	2,134	1,948.8	-9.8	18/12/2025	56
41I1FB000	1,943.5	17.5	367,736	39,106	1,947.3	-3.8	20/11/2025	28
41I2FB000	1,855.1	11.6	279	110	1,855.6	-0.5	20/11/2025	28

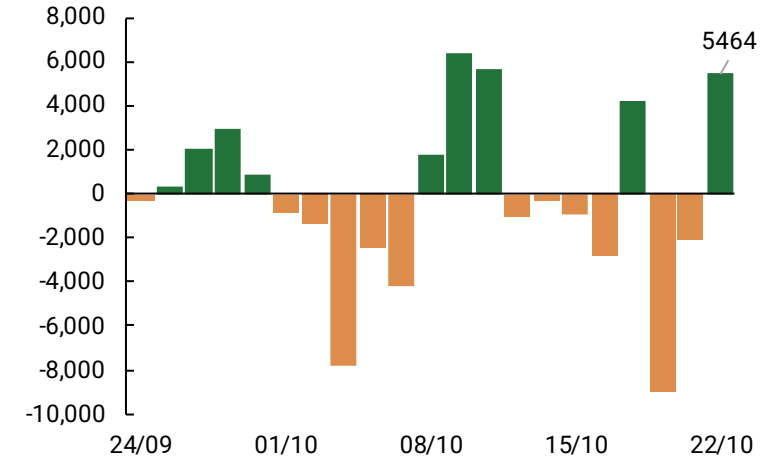
Khối lượng mở (Open interest)



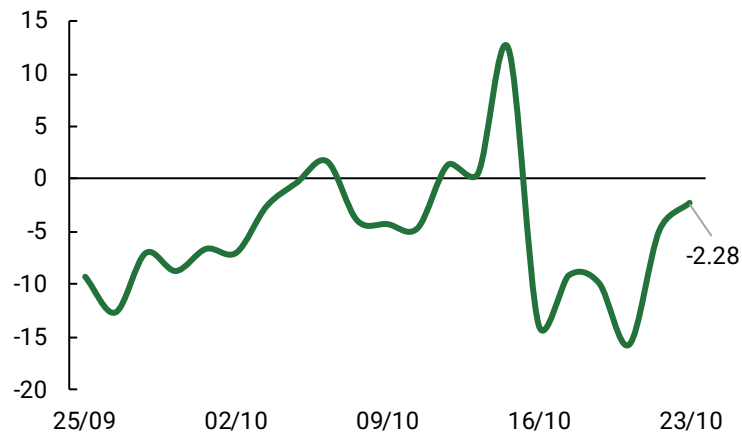
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



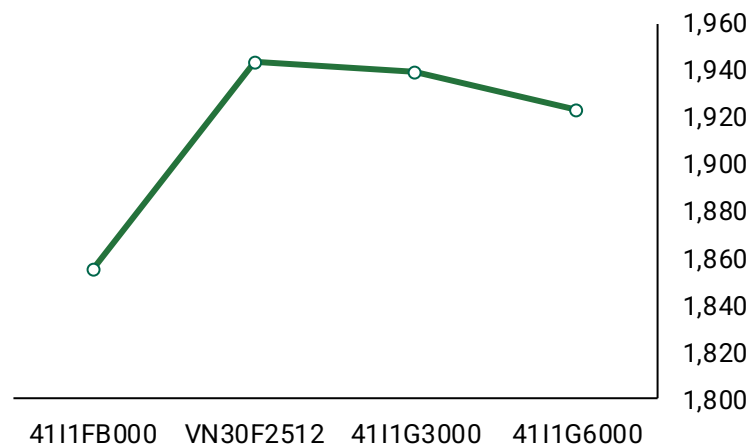
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



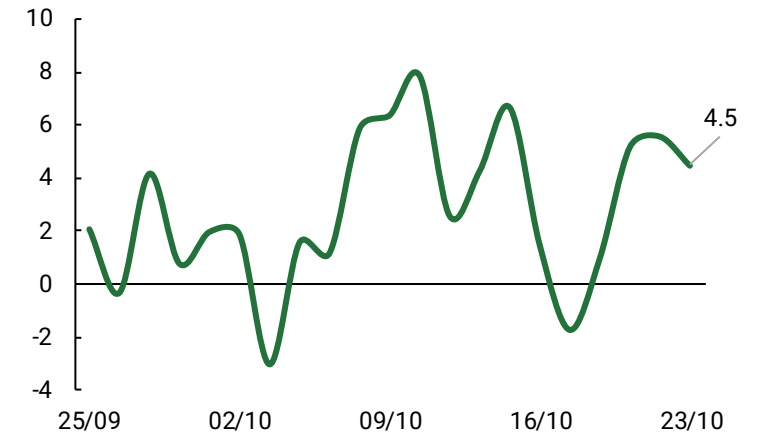
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,000	65,400	-12.8%	Bán
BCM	65,400	74,500	13.9%	Tăng tỷ trọng
CTD	89,800	92,400	2.9%	Nắm giữ
CTI	24,000	27,200	13.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,000	68,000	28.3%	Mua
DDV	35,967	35,500	-1.3%	Giảm tỷ trọng
DGC	91,000	102,300	12.4%	Tăng tỷ trọng
DGW	39,000	48,000	23.1%	Mua
DPR	36,550	41,500	13.5%	Tăng tỷ trọng
DRI	11,278	18,000	59.6%	Mua
EVF	12,950	14,400	11.2%	Tăng tỷ trọng
FRT	142,500	135,800	-4.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	67,300	72,700	8.0%	Nắm giữ
HAH	58,700	67,600	15.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	31,600	33,800	7.0%	Nắm giữ
HHV	14,650	12,600	-14.0%	Bán
HPG	26,500	30,900	16.6%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	49,500	55,000	11.1%	Tăng tỷ trọng
MBB	25,200	22,700	-9.9%	Giảm tỷ trọng
MSH	34,350	47,100	37.1%	Mua
MWG	85,700	92,500	7.9%	Nắm giữ
NLG	37,700	39,950	6.0%	Nắm giữ
PHR	51,000	72,800	42.7%	Mua
PNJ	92,300	95,400	3.4%	Nắm giữ
PVT	17,400	18,900	8.6%	Nắm giữ
SAB	45,450	59,900	31.8%	Mua
TLG	52,500	59,700	13.7%	Tăng tỷ trọng
TCB	37,250	35,650	-4.3%	Giảm tỷ trọng
TCM	27,950	38,400	37.4%	Mua
TRC	71,000	94,500	37.8%	Mua
VCG	25,650	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	54,700	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	56,600	66,650	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	25,650	17,900	-39.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

01/10	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/10	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng
07/10	Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
15/10	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
16/10	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
20/10	Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
30/10	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành EU - ECB công bố lãi suất Nhật Bản - BoJ công bố lãi suất
31/10	Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

THÔNG TIN VĨ MÔ

Ngân hàng Nhà nước bơm tiền kỷ lục 55.000 tỷ qua kênh mua kỳ hạn: Ngày 22/10, Ngân hàng Nhà nước đã bơm 55.000 tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng thông qua kênh mua kỳ hạn với lãi suất cố định 4%/năm, đánh dấu phiên bơm tiền mạnh nhất từ trước đến nay trên kênh này. Động thái này diễn ra trong bối cảnh thanh khoản hệ thống có dấu hiệu căng hơn do yếu tố mùa vụ cuối năm, khi nhu cầu vốn tăng mạnh cho hoạt động tín dụng.

Mỹ cân nhắc siết xuất khẩu sản phẩm chứa phần mềm Mỹ sang Trung Quốc: Chính quyền Trump đang xem xét một kế hoạch tảo bạo nhằm hạn chế xuất khẩu sang Trung Quốc hàng loạt sản phẩm được phát triển bằng phần mềm Mỹ - từ máy tính xách tay đến động cơ máy bay. Động thái này nhằm đáp trả các biện pháp hạn chế xuất khẩu đất hiếm mới nhất của Bắc Kinh, theo nguồn tin từ Reuters.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PNJ lãi hơn 1.600 tỷ đồng sau 9 tháng, doanh thu bán vàng 24K tiếp tục thu hẹp: Doanh nghiệp công bố kết quả quý III/2025 với doanh thu 8,136 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 496 tỷ đồng, tăng tương ứng 14,1% và 129,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 25,353 tỷ đồng (giảm 13%) nhưng lợi nhuận tăng hơn 16%, đạt 1,610 tỷ đồng. Doanh thu bán lẻ trang sức tăng 5,1% nhờ mở rộng cửa hàng, marketing hiệu quả và cải tiến trải nghiệm khách hàng. Ngược lại, doanh thu vàng 24K giảm 44,4 do nguồn cung hạn chế. Biên lợi nhuận gộp tăng lên 20,8% nhờ chuyển dịch cơ cấu và kiểm soát chi phí. PNJ giữ số cửa hàng ổn định ở 429 tại 31/34 tỉnh thành tính đến cuối quý III/2025.

MWG lãi kỷ lục gần 5.000 tỷ đồng sau 9 tháng, vượt kế hoạch năm: CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động công bố doanh thu thuần quý III/2025 đạt 39,852 tỷ đồng, tăng 17% và lợi nhuận sau thuế 1,783 tỷ đồng, gấp 2,2 lần cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, doanh thu 113,607 tỷ đồng (+14%) và lợi nhuận đạt kỷ lục 4,989 tỷ đồng (+73%), vượt 3% mục tiêu lợi nhuận năm. Biên lãi gộp giảm nhẹ còn 18,8%, chi phí quản lý tăng 16% do nhân sự, nhưng chi phí bán hàng giảm 6%. Doanh thu tài chính tăng 41%, nhờ lãi tiền gửi, đầu tư. Điện Máy Xanh, Bách Hóa Xanh, và Thế Giới Di Động giữ vai trò chủ lực doanh thu.

NDN - Nhà Đà Nẵng lãi đậm với cổ phiếu VHM: CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng công bố báo cáo quý III với doanh thu 106 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 71 tỷ đồng, tăng 36 lần nhờ thị trường chứng khoán thuận lợi. Danh mục chứng khoán kinh doanh đạt giá trị 651 tỷ đồng, lãi tạm tính 159 tỷ đồng. NDN đã chốt lời cổ phiếu Vinhomes (VHM), ghi nhận lợi nhuận lớn, trong khi doanh thu kinh doanh chính vẫn giảm. Hoạt động tài chính tăng 40%, chi phí tài chính giảm mạnh. Đây là điểm sáng giúp NDN đạt lợi nhuận cao bất chấp hoạt động kinh doanh chính yếu trì trệ.

DHG - Lợi nhuận Dược Hậu Giang tăng 34%: CTCP Dược Hậu Giang công bố kết quả kinh doanh quý III với doanh thu thuần đạt 1.146 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế ở mức 210 tỷ đồng, lần lượt tăng 8% và 34% so với cùng kỳ năm trước. Dược Hậu Giang cho biết kết quả tăng trưởng này là nhờ sự phục hồi của kênh Pharmacy, cùng với việc tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động, thể hiện qua việc biên lợi nhuận gộp đạt 49%, tăng so với mức 43% của cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần của doanh nghiệp ghi nhận 3.524 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế đạt 713 tỷ đồng, lần lượt tăng gần 3% và 25% so với cùng kỳ năm trước.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415